

Số: 321/TTTr-UBND

An Giang, ngày 04 tháng 6 năm 2020

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG

ĐẾN

Ngày: 05/6/2020

Số: 2590

Chuyển: UBND

Lưu Hồ Sơ:

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Thực hiện theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai đến các Chủ đầu tư để tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên, theo kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 tại Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 8472/BKHĐT-TH ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó: Vốn bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án dự kiến sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và khoản 10.000 tỷ đồng từ việc điều chỉnh giảm nguồn vốn bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia là 142.500 triệu đồng, trong đó: Các dự án sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 57.500 triệu đồng (cụ thể các dự án: Cụm, tuyến dân cư; Kè chống sạt lở sông Hậu,

đoạn từ Cầu Xây – Nhà máy thủy sản Giang Long, thành phố Long Xuyên; Kè chống sạt lở sông Tiền bảo vệ dân cư khu vực thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân; Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ sông Hậu đoạn qua xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới).

Ngoài ra, căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, trong đó có nêu: Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phải được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Đầu tư công và các mục tiêu, định hướng, nguyên tắc tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019, trong đó các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần lưu ý: “Đối với các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025 ngay từ năm 2020 và kế hoạch 5 năm 2021 - 2025, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư để trình phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư”.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 17, Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 27 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A và nhóm B sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (kể cả trường hợp quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhóm A và nhóm B theo quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều 34 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14).

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án mới, bên cạnh đó qua rà soát đến nay có một số dự án cần phải điều chỉnh, bổ sung quy mô, tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn cho phù hợp với tình hình thực tế... nên cần phải tổng hợp, trình thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 14 (giữa năm 2020) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 – 2021 như sau:

### **I. Về nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 14 (giữa năm 2020) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 – 2021:**

**1. Quyết định chủ trương đầu tư 07 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư là 2.529.908 triệu đồng (trong đó: ngân sách trung ương 1.452.346 triệu đồng; ngân sách tỉnh 1.077.562 triệu đồng). Cụ thể:**

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ: 03 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư là 1.452.346 triệu đồng.

(1) Tuyến dân cư trung tâm xã Khánh An, huyện An Phú: diện tích 4,59ha, đầu tư bố trí 282 nền; tổng mức đầu tư 75.481 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(2) Cụm dân cư ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú: diện tích 3,37ha, đầu tư bố trí 144 nền; tổng mức đầu tư 69.865 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(3) Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 950 và đoạn kết nối Quốc lộ 110 tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia: chiều dài tuyến 11,08km (bao gồm cả cầu); tổng mức đầu tư 1.307.000 triệu đồng, thời gian thực hiện 2021 - 2025.

b) Ngân sách tỉnh: 04 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư là 1.077.562 triệu đồng.

(1) Nâng cấp Đường tỉnh 949, huyện Tri Tôn và Tịnh Biên: chiều dài tuyến 18,515km (bao gồm cả cầu); tổng mức đầu tư 394.257 triệu đồng, thời gian thực hiện 2021 - 2025.

(2) Bệnh viện Sản – Nhi An Giang, giai đoạn II: Khối Nhi 200 giường: quy mô gồm: Khối kỹ thuật nghiệp vụ nhi, điều trị nội trú 180 giường và khoa nhiễm 20 giường; hệ thống các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị. Tổng mức đầu tư 363.170 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(3) Bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt tỉnh An Giang: quy mô 150 giường (tổng diện tích sàn xây dựng 13.320,1 m<sup>2</sup>, bao gồm: khối nhà 9 tầng + sân thượng + mái); tổng mức đầu tư 272.571 triệu đồng, thời gian thực hiện 2021 - 2025.

(4) Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh An Giang: tổng diện tích khu đất 2.452,3 m<sup>2</sup> (gồm: khối nhà chính, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị); tổng mức đầu tư 47.564 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

*(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)*

2. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, với tổng mức đầu tư là **1.893.091 triệu đồng**, cụ thể:

Nâng cấp tuyến đường liên tỉnh nối từ huyện Châu Phú, tỉnh An Giang qua khu vực tứ giác Long Xuyên nối với huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (ĐT945): Điều chỉnh quy mô đầu tư: phần đường: chiều dài tuyến 40,55km, đường cấp IV; phần cầu: 21 cầu BTCT, 12 cống hộp, 6 cống thủy lợi và 66 cống tròn. Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án từ 1.125.000 triệu đồng thành 1.893.091 triệu đồng (tăng 768.091 triệu đồng) do tiếp tục triển khai thực hiện các hạng mục giai đoạn 2; điều chỉnh từ dự án nhóm B thành dự án nhóm A; điều chỉnh thời gian thực hiện năm 2017 - 2025.

*(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)*

3. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018

của Hội đồng nhân dân tỉnh, với tổng mức đầu tư là **337.152 triệu đồng** từ nguồn vốn ngân sách tỉnh, cụ thể:

(1) Cầu Phú Hòa, huyện Thoại Sơn: Bổ sung quy mô đầu tư: xây mới 02 cống tròn F1500 thay thế cầu dân sinh ranh thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn và phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên. Tổng mức đầu tư vẫn giữ nguyên là 187.196 triệu đồng; thời gian thực hiện đến năm 2022.

(2) Mua sắm thiết bị phòng bộ môn ngoại ngữ cho cấp tiểu học và trung học trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020: Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án từ 81.200 triệu đồng thành 85.351 triệu đồng (tăng 4.151 triệu đồng) do bị trượt giá thiết bị; điều chỉnh thời gian thực hiện đến hết năm 2021.

(3) Trung tâm y tế thành phố Long Xuyên: Bổ sung quy mô đầu tư: trang thiết bị y tế, thang máy và máy phát điện dự phòng. Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án từ 33.997 triệu đồng thành 64.605 triệu đồng (tăng 30.608 triệu đồng) do bổ sung trang thiết bị để đảm bảo yêu cầu khám, điều trị bệnh; điều chỉnh từ dự án nhóm C thành dự án nhóm B; điều chỉnh thời gian thực hiện năm 2019 - 2022.

*(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)*

\* Các danh mục dự án khác giữ nguyên theo danh mục ban hành kèm theo các Nghị quyết như:

(1) Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020;

(2) Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020;

## **II. Về thông tin mỗi dự án bao gồm một số nội dung chủ yếu sau:**

1. Tên dự án;
2. Chủ đầu tư;
3. Địa điểm đầu tư;
4. Mục tiêu đầu tư;
5. Phạm vi;
6. Quy mô đầu tư;
7. Tổng mức đầu tư;
8. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư;
8. Thời gian thực hiện;

9. Tiến độ thực hiện;
10. Dự kiến kế hoạch vốn bố trí;
11. Cơ chế và giải pháp;
12. Chính sách thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- HDND tỉnh;
- TT.TU, UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa IX;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, P. KTN, KGVX, TH;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Nung**

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B

(Đính kèm Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

DVT: Triệu đồng

STT	Nhóm dự án/Lĩnh vực/Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện		
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)							
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>2.529.908</b>	<b>1.452.346</b>	<b>1.077.562</b>	<b>0</b>	<b>0</b>							
Dự án nhóm B							2.529.908	1.452.346	1.077.562	0	0							
<b>I</b>	<b>Nông nghiệp</b>						<b>145.346</b>	<b>145.346</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>							
1	Tuyển dân cư trung tâm xã Khánh An	An Phú	UBND huyện An Phú	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	4,59ha; 282 nền	Đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng. Đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân nhằm giúp người dân có cuộc sống ổn định và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	75.481	75.481				2020-2024	04 năm	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư từ nguồn vốn NSTW năm 2020 (theo CV 8472/BKHĐT-TH ngày 13/11/2019)	Tiếp tục đề nghị TW hỗ trợ vốn thực hiện đầu tư giai đoạn 2021 - 2025	Luật Đầu tư công		
2	Cụm dân cư ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình	An Phú	UBND huyện An Phú	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	3,37ha; 144 nền	Xây dựng Cụm dân cư ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người dân trong khu vực, góp phần ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của huyện An Phú.	69.865	69.865				2020-2024	04 năm	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư từ nguồn vốn NSTW năm 2020 (theo CV 8472/BKHĐT-TH ngày 13/11/2019)	Tiếp tục đề nghị TW hỗ trợ vốn thực hiện đầu tư giai đoạn 2021 - 2025	Luật Đầu tư công		
							<b>1.701.257</b>	<b>1.307.000</b>	<b>394.257</b>	<b>0</b>	<b>0</b>							
<b>II</b>	<b>Giao thông vận tải</b>																	
1	Nâng cấp Đường tỉnh 949	Tri Tôn-Tịnh Biên	BQLDA ĐTXD CTGT	Nâng cấp, mở rộng đường, bao gồm cả cầu	Chiều dài tuyến 18,515km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, quá tải.	394.257		394.257			2021-2025	04 năm	Ngân sách tỉnh dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công		
2	Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 950 và đoạn kết nối Quốc lộ 110 tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia	Tân Châu-An Phú	BQLDA ĐTXD CTGT	Nâng cấp, mở rộng đường, bao gồm cả cầu	Chiều dài tuyến 11,08km (bao gồm cả cầu)	Đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa ngày càng cao trên tuyến, cũng như phát huy kinh tế xã hội của địa phương và của cả nước do nối liền với tỉnh Kandal, Campuchia	1.307.000	1.307.000				2021-2025	04 năm	Ngân sách trung ương dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025	Ngân sách trung ương hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công		
							<b>683.305</b>	<b>0</b>	<b>683.305</b>	<b>0</b>	<b>0</b>							
<b>III</b>	<b>Y tế</b>																	
1	Bệnh viện Sản - Nhi An Giang, giai đoạn II: Khối Nhi 200 giường	Long Xuyên	BV Sản Nhi	Xây dựng mới Khối Nhi	200 giường; Khối kỹ thuật nghiệp vụ nhi và điều trị nội trú 180 giường và khoa nhi 20 giường; Hệ thống các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Góp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu	363.170		363.170			2020-2024	04 năm	Ngân sách tỉnh dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025 là 326.853 triệu đồng (90% TMDT)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện đầu tư	Luật Đầu tư công		
2	Bệnh viện Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt tỉnh An Giang	Long Xuyên	BV Mắt-TMH-RHM	Xây dựng mới khối bệnh viện 3 chuyên khoa	150 giường; Tổng diện tích sàn xây dựng bao gồm sân thượng + mái 13.320,1 m <sup>2</sup> , bao gồm khối nhà quy mô 9 tầng + sân thượng + mái	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Góp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu	272.571		272.571			2021-2025	04 năm	Ngân sách tỉnh dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025 là 245.314 triệu đồng (90% TMDT)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện đầu tư	Luật Đầu tư công		
3	Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh An Giang	Long Xuyên	Ban QLDA ĐTXD và KVPTĐT AG	Xây dựng mới khối nhà làm việc	Tổng diện tích khu đất 2.452,3 m <sup>2</sup> ; Khối nhà chính, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị	Hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ kiểm nghiệm và nghiên cứu kiểm nghiệm các loại thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	47.564		47.564			2020-2024	04 năm	Ngân sách tỉnh dự kiến bố trí giai đoạn 2021-2025 là 42.808 triệu đồng (90% TMDT)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện đầu tư	Luật Đầu tư công		

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B THÀNH DỰ ÁN NHÓM A

(Đính kèm Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nhóm dự án/Lĩnh vực/Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt										Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư											
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn vay,...)					
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23					
	TỔNG CỘNG						1.125.000	900.000	225.000	0	0				1.893.091	1.489.000	404.091	0	0						
	Dự án nhóm A						1.125.000	900.000	225.000	0	0				1.893.091	1.489.000	404.091	0	0						
I	Giao thông vận tải						1.125.000	900.000	225.000	0	0				1.893.091	1.489.000	404.091	0	0						
1	Nâng cấp tuyến đường liên tỉnh nối từ huyện Châu Phú, tỉnh An Giang qua khu vực từ giáo Long Xuyên nối với huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (ĐT1945)	Châu Phú, Tri Tôn, Tịnh Biên	Ban QLDA ĐTKD công trình giao thông	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Phân đường: Chiều dài tuyến đầu tư dài 42km, cấp đường là cấp IV. Phân cầu: 31 cầu. BTCT.	Nhằm điều kiện giao thông thông suốt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nhau, đáp ứng nhu cầu đi lại, tạo đổi hàng hóa, phát triển du lịch, hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch của tỉnh An Giang nói riêng và các tỉnh lân cận nói chung.	1.125.000	900.000	225.000			2017-2022	05 năm	Phân đường: Chiều dài tuyến đầu tư dài 40,55km, đường cấp IV. Phân cầu: 21 cầu BTCT, 12 công hợp, 6 công thủy lợi và 66 công tròn	Nhằm điều kiện giao thông thông suốt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nhau, đáp ứng nhu cầu đi lại, trao đổi hàng hóa, phát triển du lịch, hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch của tỉnh An Giang nói riêng và các tỉnh lân cận nói chung.	1.893.091	1.489.000	404.091			2017-2025	08 năm	Giai đoạn 2016-2020 bố trí 900.500 triệu đồng; phần còn lại bố trí giai đoạn 2021-2025	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện	Luật Đầu tư công

PHỤ LỤC 03

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B

(Đính kèm Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nhóm dự án/Lĩnh vực/Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt						Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư												
							Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23			
	<b>TỔNG CỘNG</b>						303.758	0	303.758	0	0					337.152	0	337.152	0	0					
	Dự án nhóm B						303.758	0	303.758	0	0					337.152	0	337.152	0	0					
I	<b>Giao thông vận tải</b>						188.561	0	188.561	0	0					187.196	0	187.196	0	0					
1	Cầu Phú Hòa	Thoại Sơn	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 19/7/2018	58,1m dài	Đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường tỉnh 943, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà nói chung và huyện Thoại Sơn nói riêng	188.561		188.561			2018-2021	04 năm	58,1m dài, 02 công tròn Ø1500	Đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường tỉnh 943, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà nói chung và huyện Thoại Sơn nói riêng	187.196		187.196			2018-2022	04 năm	Giai đoạn 2016-2020 ngân sách tỉnh hỗ trợ 54.000 triệu đồng; phần còn lại bố trí giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công
II	<b>Giáo dục và đào tạo</b>						81.200	0	81.200	0	0					85.351	0	85.351	0	0					
1	Mua sắm thiết bị phòng bộ môn ngoại ngữ cho cấp tiểu học và trung học trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020	Toàn tỉnh	Sở GD&ĐT	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Mua sắm trang thiết bị 241 phòng học bộ môn ngoại ngữ cho một số điểm trên địa bàn tỉnh An Giang	Nhằm mở rộng quy mô dạy học tiếng Anh dành cho các cấp học, giảng dạy hệ thống từ lớp 3 đến hết lớp 12 theo chương trình mới 10 năm, vận dụng 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở tất cả các trường phổ thông. Học sinh hoàn thành chương trình tiêu học đạt trình độ bậc 1/6, tốt nghiệp THCS đạt trình độ bậc 2/6, tốt nghiệp THPT đạt trình độ bậc 3/6. Đảm bảo đủ trang thiết bị, phòng học bộ môn, tài liệu tham khảo, giáo trình, sách giáo khoa, mỗi trường có ít nhất một phòng học bộ môn ngoại ngữ.	81.200		81.200			2016 - 2020	05 năm	Mua sắm trang thiết bị 241 phòng học bộ môn ngoại ngữ cho một số điểm trên địa bàn tỉnh An Giang	Nhằm mở rộng quy mô dạy học tiếng Anh dành cho các cấp học, giảng dạy hệ thống từ lớp 3 đến hết lớp 12 theo chương trình mới 10 năm, vận dụng 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở tất cả các trường phổ thông. Học sinh hoàn thành chương trình tiêu học đạt trình độ bậc 1/6, tốt nghiệp THCS đạt trình độ bậc 2/6, tốt nghiệp THPT đạt trình độ bậc 3/6. Đảm bảo đủ trang thiết bị, phòng học bộ môn, tài liệu tham khảo, giáo trình, sách giáo khoa, mỗi trường có ít nhất một phòng học bộ môn ngoại ngữ.	85.351		85.351			đến hết năm 2021	06 năm	Giai đoạn 2016 - 2020 bố trí 81.155 triệu đồng, phần còn lại bố trí năm 2021.	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công
III	<b>Y tế</b>						33.997	-	33.997	-	-					64.605	-	64.605	-	-					
1	Trung tâm y tế thành phố Long Xuyên	Long Xuyên	UBND TPLX	Dự án nhóm C UBND tỉnh QĐ CTĐT 2500A/QĐ-UBND 10/10/2018	Khởi nhà chính (khu A), công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật	Các phòng khám khám chữa bệnh khu A đang xuống cấp nghiêm trọng. Nhằm tạo điều kiện ban đầu về cơ sở vật chất cho trung tâm y tế góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân	33.997		33.997			2019-2021	03 năm	Khởi nhà chính (khu A), công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật; bổ sung: trang thiết bị y tế, thang máy và máy phát điện dự phòng	Các phòng khám khám chữa bệnh khu A đang xuống cấp nghiêm trọng. Nhằm tạo điều kiện ban đầu về cơ sở vật chất cho trung tâm y tế góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân	64.605		64.605			2019-2022	04 năm	Giai đoạn 2016-2020 đã bố trí 17.154 triệu đồng, giai đoạn 2021-2025 là 40.991 triệu đồng.	Ngân sách tỉnh thực hiện đầu tư giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025	Luật Đầu tư công



Số: /NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng 7 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020, như sau:

1. Quyết định chủ trương đầu tư 07 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư 2.529.908 triệu đồng.

2. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 01 dự án nhóm B thành dự án nhóm A tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, với tổng mức đầu tư 1.893.091 triệu đồng.

3. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với tổng mức đầu tư là 337.152 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01, 02 và 03 đính kèm)

\* Các danh mục dự án khác giữ nguyên theo danh mục ban hành kèm theo các Nghị quyết như:

(1) Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020;

(2) Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 14 thông qua ngày ..... tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày ..... tháng 7 năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp.

**CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC 01**

**DANH MỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B**

(Đính kèm Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Nhóm dự án/Lĩnh vực/Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thù lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>2.529.908</b>	<b>1.452.346</b>	<b>1.077.562</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>Dự án nhóm B</b>							<b>2.529.908</b>	<b>1.452.346</b>	<b>1.077.562</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>I</b>	<b>Nông nghiệp</b>					<b>145.346</b>	<b>145.346</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
1	Tuyển dân cư trung tâm xã Khánh An	An Phú	UBND huyện An Phú	4,59ha; 282 nền	Đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng. Đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân nhằm giúp người dân có cuộc sống ổn định và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	75.481	75.481				2020-2024	04 năm	
2	Cụm dân cư ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình	An Phú	UBND huyện An Phú	3,37ha; 144 nền	Xây dựng Cụm dân cư ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người dân trong khu vực, góp phần ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của huyện An Phú.	69.865	69.865				2020-2024	04 năm	
<b>II</b>	<b>Giao thông vận tải</b>					<b>1.701.257</b>	<b>1.307.000</b>	<b>394.257</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
1	Nâng cấp Đường tỉnh 949	Tri Tôn-Tịnh Biên	BQLDA ĐTXD CTGT	Chiều dài tuyến 18,515km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, quá tải.	394.257		394.257			2021-2025	04 năm	
2	Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 950 và đoạn kết nối Quốc lộ 110 tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia	Tân Châu-An Phú	BQLDA ĐTXD CTGT	Chiều dài tuyến 11,08km (bao gồm cả cầu)	Đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa ngày càng cao trên tuyến, cũng như phát huy kinh tế xã hội của địa phương và của cả nước do nối liền với tỉnh Kandal, Campuchia	1.307.000	1.307.000				2021-2025	04 năm	
<b>III</b>	<b>Y tế</b>					<b>683.305</b>	<b>0</b>	<b>683.305</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
1	Bệnh viện Sản – Nhi An Giang, giai đoạn II: Khối Nhi 200 giường	Long Xuyên	BV Sản Nhi	200 giường: Khối kỹ thuật nghiệp vụ nhi và điều trị nội trú 180 giường và khoa nhi 20 giường; Hệ thống các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Góp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu	363.170		363.170			2020-2024	04 năm	
2	Bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt tỉnh An Giang	Long Xuyên	BV Mắt-TMH-RHM	150 giường: Tổng diện tích sàn xây dựng bao gồm sân thượng + mái 13.320,1 m <sup>2</sup> , bao gồm khối nhà quy mô 9 tầng + sân thượng + mái	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Góp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu	272.571		272.571			2021-2025	04 năm	
3	Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh An Giang	Long Xuyên	Ban QLDA ĐTXD và KVPTĐT AG	Tổng diện tích khu đất 2.452,3 m <sup>2</sup> ; Khối nhà chính, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị	Hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ kiểm nghiệm và nghiên cứu kiểm nghiệm các loại thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	47.564		47.564			2020-2024	04 năm	

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B THÀNH DỰ ÁN NHÓM A

(Đính kèm Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nhóm dự án/Lĩnh vực/Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt										Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư									
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư					Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Vốn NS TW hỗ trợ						Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
<b>TỔNG CỘNG</b>							1.125.000	900.000	225.000	0	0					1.893.091	1.489.000	404.091	0	0			
<b>Dự án nhóm A</b>							1.125.000	900.000	225.000	0	0					1.893.091	1.489.000	404.091	0	0			
<b>I</b>	<b>Giao thông vận tải</b>						1.125.000	900.000	225.000	0	0					1.893.091	1.489.000	404.091	0	0			
1	Nâng cấp tuyến đường liên tỉnh nối từ huyện Châu Phú, tỉnh An Giang qua khu vực từ gác Long Xuyên nối với huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (ĐT945)	Châu Phú, Tri Tôn, Tịnh Biên	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Phần đường: Chiều dài tuyến đầu tư dài 42km, cấp đường là cấp IV. Phần cầu: 31 cầu. BTCT.	Nhằm điều kiện giao thông thông suốt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nhau, đáp ứng nhu cầu đi lại, trao đổi hàng hóa, phát triển du lịch, hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch của tỉnh An Giang nói riêng và các tỉnh lân cận nói chung.	1.125.000	900.000	225.000			2017-2022	05 năm	Phần đường: Chiều dài tuyến đầu tư dài 40,55km, đường cấp IV. Phần cầu: 21 cầu BTCT, 12 công hộp, 6 công thủy lợi và 66 công tròn	Nhằm điều kiện giao thông thông suốt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nhau, đáp ứng nhu cầu đi lại, trao đổi hàng hóa, phát triển du lịch, hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch của tỉnh An Giang nói riêng và các tỉnh lân cận nói chung.	1.893.091	1.489.000	404.091			2017-2025	08 năm	

PHỤ LỤC 03

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B

(Đính kèm Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

DVT: Triệu đồng

STT	Nhóm dự án/Lĩnh vực/Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)		
								9	10	11	12						18	19	20	21		
<b>TỔNG CỘNG</b>								303.758	0	303.758	0	0			337.152	0	337.152	0	0			
<b>Dự án nhóm B</b>								303.758	0	303.758	0	0			337.152	0	337.152	0	0			
<b>I Giao thông vận tải</b>								188.561	0	188.561	0	0			187.196	0	187.196	0	0			
1	Cầu Phú Hòa	Thoại Sơn	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 19/7/2018	58,1m dài	Đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường tỉnh 943, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà nói chung và huyện Thoại Sơn nói riêng	188.561		188.561			2018-2021	04 năm	58,1m dài, 02 công tròn Ø1500	Đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường tỉnh 943, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà nói chung và huyện Thoại Sơn nói riêng	187.196		187.196			2018-2022	04 năm
<b>II Giáo dục và đào tạo</b>								81.200	0	81.200	0	0			85.351	0	85.351	0	0			
1	Mua sắm thiết bị phòng bộ môn ngoại ngữ cho cấp tiểu học và trung học trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020	Toàn tỉnh	Sở GD&ĐT	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Mua sắm trang thiết bị 241 phòng học cho một số điểm trên địa bàn tỉnh An Giang	Nhằm mở rộng quy mô dạy học tiếng Anh dành cho các cấp học, giảng dạy hệ thống từ lớp 3 đến hết lớp 12 theo chương trình mới 10 năm, vận dụng 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở tất cả các trường phổ thông. Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt trình độ bậc 1/6, tốt nghiệp THCS đạt trình độ bậc 2/6, tốt nghiệp THPT đạt trình độ bậc 3/6. Đảm bảo đủ trang thiết bị, phòng học bộ môn, tài liệu tham khảo, giáo trình, sách giáo khoa, mỗi trường có ít nhất một phòng học bộ môn ngoại ngữ.	81.200		81.200			2016 - 2020	05 năm	Mua sắm trang thiết bị 241 phòng học bộ môn ngoại ngữ cho một số điểm trên địa bàn tỉnh An Giang	Nhằm mở rộng quy mô dạy học tiếng Anh dành cho các cấp học, giảng dạy hệ thống từ lớp 3 đến hết lớp 12 theo chương trình mới 10 năm, vận dụng 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở tất cả các trường phổ thông. Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt trình độ bậc 1/6, tốt nghiệp THCS đạt trình độ bậc 2/6, tốt nghiệp THPT đạt trình độ bậc 3/6. Đảm bảo đủ trang thiết bị, phòng học bộ môn, tài liệu tham khảo, giáo trình, sách giáo khoa, mỗi trường có ít nhất một phòng học bộ môn ngoại ngữ.	85.351		85.351			đến hết năm 2021	06 năm
<b>III Y tế</b>								33.997	-	33.997	-	-			64.605	-	64.605	-	-			
1	Trung tâm y tế thành phố Long Xuyên	Long Xuyên	UBND TP Long Xuyên	Dự án nhóm C UBND tỉnh QĐ CTĐT 2500A/QĐ-UBND 10/10/2018	Khởi nhà chính (khu A), công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật	Các phòng khoa khám chữa bệnh khu A đang xuống cấp nghiêm trọng. Nhằm tạo điều kiện ban đầu về cơ sở vật chất cho trung tâm y tế góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân	33.997		33.997			2019-2021	03 năm	Khởi nhà chính (khu A), công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật; bổ sung: trang thiết bị y tế, thang máy và máy phát điện dự phòng	Các phòng khoa khám chữa bệnh khu A đang xuống cấp nghiêm trọng. Nhằm tạo điều kiện ban đầu về cơ sở vật chất cho trung tâm y tế góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân	64.605		64.605			2019-2022	04 năm